

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TCN23B** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02107** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Kỹ năng mềm**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201203552	Đỗ Duy	Anh	11/03/2008				7	7.5	7.0			6.0		6.5
2	2356201203553	Nguyễn Thị Bích	Chi	13/11/2008				6.5	7.0	7.0			7.0		7.0
3	2356201203554	Đoàn Vũ Hương	Giang	18/11/2008				7	7.5	8.4			7.0		7.3
4	2356201203555	Huỳnh Minh	Khang	16/04/2008				6.5	7.0	7.2			5.5		6.1
5	2356201203556	Nguyễn Phúc	Khang	04/05/2008				6	6.5	7.0			5.0		5.6
6	2356201203557	Đặng Bùi Ngọc	Kiều	04/04/2008				7	6.5	7.0			5.0		5.7
7	2356201203558	Nguyễn Lê Huỳnh An	Kỳ	15/05/2008				7	7.0	8.4			9.0		8.4
8	2356201203559	Lê Thị Thanh	Nga	25/04/2008				7.5	7.5	8.6			8.5		8.3
9	2356201203560	Đinh Nguyễn Ngọc Trúc	Ngân	20/04/1990				7.5	8.0	8.4			8.0		8.0
10	2356201203561	Trần Phát	Sang	16/11/2004				8.5	8.0	7.0			6.0		6.7
11	2356201203562	Nguyễn Tô Thị Trúc	Thanh	07/09/2008				7	6.0	7.0			8.5		7.7
12	2356201203563	Ngô Chí	Thắng	21/05/2008				6.5	8.0	7.0			5.0		5.9
13	2356201203564	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	10/10/2008				6	7.0	7.6			5.0		5.8
14	2356201203565	Lê Ngọc Bảo	Trân	07/07/2008				8	9.0	7.0			9.0		8.6
15	2356201203566	Bùi Thanh	Tuấn	11/12/2005				7	7.5	7.4			8.5		8.0
16	2356201203567	Lý Tuấn	Vĩ	19/09/2008				7	7.5	7.6			0.0		3.0
17	2356201203568	Trịnh Thị Phi	Yến	06/01/2008				6.5	7.0	7.2			5.0		5.8

Châu Đốc, ngày 16 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thị Thanh Thúy